**Bảng đặc tả kĩ thuật đề kiểm tra cuối kỳ 2 – Môn: Tiếng Anh 10 (hệ 7 năm; tổng thời gian làm bài: 60 phút)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kỹ năng** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng Số**  **CH** | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **I.** | **LISTENING** | 1. Nghe một đoạn hội thoại/độc thoại khoảng 1.5 phút liên quan đến các chủ đề đã học.  Học sinh trả lời câu hỏi bằng cách chọn phương án đúng (True) sai (False). | **Nhận biết:**  - Nghe lấy thông tin chi tiết về:  + số đếm, số thứ tự  + sự kiện  + nơi chốn  + địa điểm  + nghề nghiệp  + môn học  + thời gian  + các hoạt động trong ngày  + ngữ cảnh  + một số vật dụng quen thuộc  + các hoạt động giải trí  + tên người/địa danh | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại / hội thoại để chọn câu trả lời đúng sai (True/False). |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng:**   * Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp. * Hiểu nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để chọn đáp án đúng. |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
| 2. Nghe một đoạn hội thoại/độc thoại khoảng 1.5 phút liên quan đến các chủ đề đã học.  Học sinh trả lời câu hỏi bằng cách chọn phương án A, B, C, D để trả lời cho câu hỏi hoặc/và | **Nhận biết:**  - Nghe lấy thông tin chi tiết | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại / hội thoại để điền thông tin còn thiếu vào chỗ trống (gap- |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | điền vào chỗ trống trong câu. | filling) hoặc/và chọn thông tin đúng (MCQs). |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  - Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để chọn đáp án đúng. |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
| **II.** | **LANGUAGE** | **1. Pronunciation**  Các nguyên âm đã học | **Nhận biết:**   * Các phụ âm đã học: /b/, /p/, /d/,   /t/, /s/, /z/, /f/, /v/, /g/, /k/, /ʓ/, /ʃ/ thông qua các từ vựng quen thuộc.   * Các nguyên âm đã học: / iə /, / eə /, / ʊə / thông qua các từ vựng quen thuộc. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Phát hiện và phân biệt các âm đã học trong câu  (Tích hợp vào kiểm tra kĩ năng Nghe / Nói) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  - Sử dụng kiến thức phụ âm, nguyên âm vào bài thi nói (Tích hợp vào kiểm tra kĩ năng Nghe / Nói) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vocabulary**  Các từ vựng đã học theo chủ điểm:   * Thế giới đại dương * Bảo tồn thiên nhiên * Vườn quốc gia * Âm nhạc * Điện ảnh * Bóng đá * Các di tích lịch sử | **Nhận biết:**  - Từ loại và nghĩa của từ | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**   * Nghĩa của từ trong ngữ cảnh * Cụm động từ * Kết hợp từ * Thành ngữ |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:**  - Sử dụng từ đã học cho kỹ năng viết, nói ở mức độ câu  (Tích hợp vào kiểm tra kỹ năng viết, nói) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | **Vận dụng cao:**  - Sử dụng từ đã học cho kỹ năng viết, nói ở mức độ đoạn ngắn (Tích hợp vào kiểm tra kỹ năng viết, nói) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Grammar**  Các chủ điểm ngữ pháp đã học:   * Câu điều kiện loại 2, 3 * Câu bị động * Should / shouldn’t / * Wh-questions * Động từ nguyên mẫu/danh động từ * Tính từ chỉ thái độ * Cấu trúc *It is/was not until … that …* * Mạo từ * *Will* và *Be going to* * Câu so sánh | **Nhận biết:**   * Câu ĐK 2, 3 * Câu bị động * Câu so sánh * Should đưa ra lời khuyên * Hiện tại phân từ và Quá khứ phân từ. * Cấu trúc *It is/was not until … that …* * Mạo từ * Phân biệt *will* và *be going to* * Hiểu các điểm ngữ pháp đã học | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Viết lại câu sử dụng các chủ điểm ngữ pháp đã học  (Tích hợp vào kiểm tra kỹ năng viết/nói) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  - Tích hợp những điểm ngữ pháp đã học vào bài viết / nói / nghe / đọc một cách phù hợp. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:**  - Sử dụng các cấu trúc đã học cho kỹ năng viết, nói ở cấp độ đoạn dài (Tích hợp vào kiểm tra kỹ năng viết, nói) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **III.** | **READING** | **1. Cloze test**  Hiểu được bài đọc có độ dài khoảng 120 từ về các chủ điểm đã học:   * Thì Tiếng Anh * Nghĩa của từ * Từ hạn định (Determiners) * Cụm từ (collocations) * Từ loại (Part of speech) | **Nhận biết:**   * Đại từ quan hệ “Who, Which, That” * Từ hạn định “a, an, the, some, your, … “ * Các hiện tượng ngữ pháp đã học. * Từ nối, giới từ đã học. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**   * Nghĩa của từ trong ngữ cảnh bài đọc để hoàn thành câu. * Từ / cụm từ trong sách giáo khoa. |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng:**   * Phân tích mối liên kết giữa các câu và chọn liên từ phù hợp. * Sử dụng kiến thức trong bài đọc để làm phong phú nội dung bài nói   / viết |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng cao:**  - Sử dụng kiến thức trong bài đọc để làm phong phú nội dung bài nói  / viết |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Reading comprehension** Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết đoạn văn bản có độ dài khoảng **220** từ, xoay quanh các chủ điểm có trong nội dung đã học từ bài 9 đến bài 16 (trừ bài 15).  Các chủ điểm đã học:   * Thế giới đại dương * Bảo tồn thiên nhiên * Vườn quốc gia * Âm nhạc * Điện ảnh | **Nhận biết:**  - Một chi tiết trong bài. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**   * Hiểu ý chính của bài đọc * Hiểu được nghĩa tham chiếu. * Loại trừ các chi tiết để đưa ra câu trả lời phù hợp |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng:**   * Đoán nghĩa của từ trong văn cảnh. * Hiểu, phân tích, tổng hợp ý chính của bài để chọn câu trả lời phù hợp. |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | * Bóng đá * Các di tích lịch sử | **Vận dụng cao:**   * Thể hiện quan điểm cá nhân về nội dung bài đọc * Sử dụng kiến thức trong bài đọc để làm phong phú nội dung bài nói   / viết. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV.** | **WRITING** | **1. Error identification**  Xác định lỗi sai | **Nhận biết:**   * Nhận diện được lỗi sử dụng từ hạn định (a, an, the, some, your, …) * Nhận diện được lỗi cấu trúc câu, các hiện tượng ngữ pháp trong học kỳ 2. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **2. Sentence transformation** Viết lại câu dùng từ gợi ý hoặc từ cho trước | **Thông hiểu:**   * Cấu trúc nhấn mạnh: It is/was not until……that… * Chuyển một câu chủ động sang câu bị động. * Hiểu được ý nghĩa và cách diễn đạt bằng câu điều kiện. |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |
| **3. Thematic writing**  Chọn một trong số đơn vị kiến thức dưới đây để viết 1 lá thư hoặc 1 đoạn văn (có gợi ý):  + Miêu tả thông tin từ bảng  + Viết một lá thư mời, thư chấp nhận, thư từ chối  + Viết hồ sơ; viết thông báo về một sự kiện thể thao.  + Viết về một bộ phim hoặc một vở kịch đã xem | **Vận dụng cao:**  - Sử dụng linh hoạt kiến thức đã học để hoàn thành nội dung bài viết ở cấp độ đoạn văn hoặc viết một lá thư. |  |  |  |  |  |  |  |  |  | (1  bài viết  ) |
| **V.** | **SPEAKING** | **(Phần SPEAKING tổ chức thi riêng buổi)**  **+ Nội dung:**   * Hỏi - đáp và trình bày về các nội dung liên quan đến các chủ điểm có trong chương trình. * Sử dụng được một số chức |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | năng giao tiếp cơ bản như hướng dẫn, bày tỏ ý kiến, hỏi đường, hỏi thông tin và cung cấp thông tin, …  + **Kỹ năng:**   * Kỹ năng trình bày một vấn đề; sử dụng ngôn ngữ cơ thể và các biểu đạt trên khuôn mặt phù hợp.   **+ Ngôn ngữ và cấu trúc:**   * Ưu tiên sử dụng những cấu trúc đã học trong chương trình. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **1. Self -introduction** | **Nhận biết:**  - Giới thiệu các thông tin về bản thân / sở thích / về thầy cô, mái trường / môn học yêu thích. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **2. Topic speaking** | **Thông hiểu:**   * Sử dụng kiến thức ngôn ngữ đã học để nói theo chủ đề.   **Vận dụng:**   * Sử dụng từ vựng và cấu trúc linh hoạt, diễn tả được nội dung cần nói theo những cách khác nhau. Phát âm tương đối chuẩn. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **3. Q&A** | **Vận dụng cao:**  - Hiểu và trả lời câu hỏi của giám khảo một cách linh hoạt. Sử dụng ngôn ngữ tự nhiên và thuần thục. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | |  |  | **16** |  | **6** | **2** | **4** |  |  |  | **26** | **2**  **+ 3**  **bài** |

**Bảng đặc tả kĩ thuật đề kiểm tra cuối kỳ 2 – Môn: Tiếng Anh 11 (hệ 7 năm; tổng thời gian làm bài: 60 phút)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ Kỹ năng (Unit 10-Unit 13)** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | |
| **Nhận biết** | | **Thông**  **hiểu** | | **Vận**  **dụng** | | **Vận dụng**  **cao** | |
| ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** |
| **1** | **Listening** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **10** |  |
|  |  | **1. Nghe một đoạn hội thoại khoảng 1-1.5 phút thuộc các chủ đề liên quan và trả lời câu hỏi True/false** | **Nhận biết**  1 chi tiết trong bài như:   * Thời gian * Số lượng người nói * Địa chỉ * Số điện thoại * Số tiền * Phương hướng | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu**  **-** Hiểu được các thông tin chi tiết cụ thể trong bài nghe để giúp lựa chọn được đáp án đúng (T) hoặc sai (F)  - Hiểu được ý chính của người nói |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng**  - Hiểu được ý chính của đoạn nghe, kết hợp một số thông tin trong để  xác định được thông tin đúng sai |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
|  |  | **2*.* Nghe một đoạn độc thoại khoảng 1.5-2 phút và trả lời câu hỏi trắc nghiệm** | **Nhận biết**  1 chi tiết trong bài như:   * Thời gian * Số lượng người nói * Địa chỉ * Số điện thoại * Số tiền * Phương hướng | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | **Thông hiểu**  **-** Hiểu đươc thông tin chi tiết trong đoạn văn để xác định được phương án đúng để trả lời câu hỏi  - Hiểu được ý chính của người nói |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng**  - Hiểu được ý chính của đoạn thông tin, loại trừ các chi tiết sai để chọn đáp án đúng (Lưu ý với câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn các phương án nhiễu cần khác biệt rõ ràng với đáp án về âm) |  |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  |
| **2** | **Language** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **10** |  |
|  |  | **1. Phonology**   * *Trọng âm của những từ có nhiều hơn 3 âm tiết* * *Dạng phát âm mạnh và yếu của liên từ và giới từ* * *Phát âm của dạng vắn tắt của trợ động từ* | **Nhận biết:** |  |  |  |  |  |  |  |  | **2** |  |
| * Trọng âm của các từ có hai âm tiết * Trọng âm của các từ có ba âm tiết * Trọng âm của những từ có nhiều hơn 3 âm tiết | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Phân biệt được trọng âm của những từ có nhiều hơn 3 âm tiết, dạng phát âm mạnh và yếu của liên từ và giới từ và phát âm của dạng vắn tắt của trợ động từ trong câu (phần kiến thức được kiểm tra lồng ghép trong kĩ năng nghe) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | **Vận dụng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Phát âm rõ ràng, chính xác được trọng âm của những từ có nhiều hơn 3 âm tiết, dạng phát âm mạnh và yếu của liên từ và giới từ và phát âm của dạng vắn tắt của trợ động trong các câu đơn lẻ(phần kiến thức được kiểm tra lồng ghép trong kĩ  năng nghe và nói) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| -Phát âm rõ ràng, chính xác được trọng âm của những từ có nhiều hơn 3 âm tiết, dạng phát âm mạnh và yếu của liên từ và giới từ và phát âm của dạng vắn tắt của trợ động từ trong bài nói (phần kiến thức được kiểm tra lồng ghép trong kĩ năng  nghe và nói) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Grammar**   * *Câu điều kiện* * *Mệnh đề quan hệ* * *Giới từ và mạo từ* |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **2** |  |
| **Nhận biết** |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| * Câu điều kiện * Mệnh đề quan hệ * Giới từ và mạo từ | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Hiểu được cách sử dụng đúng của  những mảng ngữ pháp đã học trong những văn cảnh khác nhau |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | - Hiểu được cách sử dụng của các dạng câu điều kiện, mệnh đề quan hệ,giới từ và mạo từ những văn cảnh tương tự văn cảnh khác nhau (phần kiến thức được kiểm tra lồng ghép trong kĩ năng nghe và đọc  hiểu) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Viết/ nói câu sử dụng những chủ điểm ngữ pháp đã học (phần kiến thức được kiểm tra lồng ghép trong  kĩ năng viết và nói) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Viết/ nói theo chủ đề sử dụng những chủ điểm ngữ pháp đã học (phần kiến thức được kiểm tra lồng  ghép trong kĩ năng viết và nói) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3. Vocabulary** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **6** |  |
| **Nhận biết:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Nhận biết được từ loại và ý nghĩa của từ vựng liên quan đến chủ đề (phần kiến thức được kiểm tra lồng ghép trong kĩ năng nghe và đọc  hiểu) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:** |  |  |  |  |  |  |  |  | **4** |  |
| - Từ nối dùng để liên kết các mệnh  đề trong câu |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| - Phrasal verbs hoặc các cụm giới từ |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | (tính từ + giới từ, danh từ + giới từ, và các cụm giới từ cố định) được sử dụng trong văn cảnh tương tự văn  cảnh trong sách giáo khoa |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Hiểu cách sử dụng của một số cụm từ quan trọng được sử dụng trong văn cảnh tương tự văn cảnh  trong sách giáo khoa |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| - Hiểu đúng nghĩa của từ trong ngữ cảnh/ từ vựng theo chủ đề / hoặc các thành ngữ đơn giản được sử dụng trong văn cảnh tương tự văn cảnh trong sách giáo khoa |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **2** |
| * Vận dụng những phrasal verbs, collocations, themetic meanings và idioms trong văn cảnh khác với văn cảnh trong sách giáo khoa * Vận dụng những từ hoặc cụm từ đồng nghĩa hoăc trái nghĩa với một từ, phrasal verbs, idioms trong văn cảnh khác với văn cảnh trong sách giáo khoa (phần kiến thức được đánh giá lồng ghép vào kỹ năng nghe, nói, đọc và viết) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Vận dụng được những kiến thức đã học về từ vựng để lựa chọn từ loại cần sử dụng trong ngữ cảnh |  |  |  |  |  | 2 |  |  |  | 2 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | **Vận dụng cao:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Sử dụng được các cụm kết hợp từ, từ trong ngữ cảnh, từ vựng theo chủ đề, động từ kết hợp với giới từ và các thành ngữ với lớp nghĩa khác với lớp nghĩa trong sách giáo khoa (phần kiến thức được đánh giá lồng ghép vào kỹ năng nghe, nói, đọc và  viết) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Reading** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **10** |  |
|  |  | **1. Cloze test** | *Học sinh đọc một đoạn văn về một chủ đề liên quan đến chủ đề đã học trong sách giáo khoa từ Bài 5 đến bài 8 có độ dài khoảng 150 đến 180*  *từ. (Độ khó của từ ở cấp độ 3 (B1))* |  |  |  |  |  |  |  |  | **5** |  |
| **Nhận biết:** |  |  |  |  |  |  |  |  | **3** |  |
| - Định từ (determiners: many, a few, few, much, a little, little, other, another, this, that, these, those, …)  được sử dụng trong ngữ cảnh | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| - Đại từ quan hệ (who, whom, which, that, whose) trạng từ quan hệ hoặc các đại từ (what) hoặc từ  nối (which) trong văn bản | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| - Từ nối dùng để kết nối văn bản | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:** |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  |
| - Cụm từ (collocations) quen thuộc  trong văn bản |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | **Vận dụng:** |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  |
| * Vận dụng những kiến thức đã học về từ vựng để xác định được phrasal verbs, collocations, meaning in context, themetic meanings và idioms trong văn cảnh khác với văn cảnh trong các đơn vị bài học trong sách giáo khoa * Nghĩa của từ trong ngữ cảnh phù   hợp để điền vào chỗ trống |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng cao:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **-** Sử dụng được các cụm kết hợp từ, từ trong ngữ cảnh, từ vựng theo chủ đề, động từ kết hợp với giới từ và các thành ngữ với lớp nghĩa khác với lớp nghĩa trong sách giáo khoa (phần kiến thức được kiểm tra lồng ghép trong kĩ năng đọc hiểu, viết và  nói) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Reading comprehension** | *Học sinh đọc một văn bản có độ dài khoảng 280 từ về những chủ đề đã học trong sách giáo khoa từ bài 5 đến bài 8. Độ khó của văn bản*  *thuộc cấp độ 3. (B1)* |  |  |  |  |  |  |  |  | **5** |  |
| **Nhận biết:** |  |  |  |  |  |  |  |  | **3** |  |
| - Nhận biết nghĩa của đại từ qui  chiếu ám chỉ | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| - Nhận biết thông tin chi tiết CÓ  trong văn bản | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | - Nhận biết thông tin chi tiết  KHÔNG CÓ trong văn bản | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Thông hiểu:** |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  |
| - Hiểu được nội dung văn bản để tìm ra được ý chính, chủ đề, tiêu đề, nguồn của văn bản |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:** |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  |
| * Vận dụng những hiểu biết của mình vê ý nghĩa đoạn văn để biết được cách sắp xếp các ý trong đoạn văn, nguồn gốc của văn bản, giọng văn trong văn bản * Vận dụng những ý hiểu của mình về ngữ cảnh để chọn được từ đồng nghĩa với từ gạch chân trong văn bản |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
| **4** | **Writing** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **1. Error identification** | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết được từ và cụm từ được gạch chân cần phải sửa để tạo thành một câu hoàn chỉnh về ngữ nghĩa và  ngữ pháp |  |  |  |  |  |  |  |  | **2** |  |
| * Sự hòa hợp trong câu * Trật tự từ trong câu * Nghĩa của từ * Cấu trúc ngữ pháp * Thì của động từ * Từ loại * Cấu trúc song song | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | **Thông hiểu:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Hiểu được ý nghĩa của câu để tìm ra được từ hoặc cụm từ được gạch chân bị sai về nghĩa. (Các cặp tư  thông dụng bị nhầm về nghĩa) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Vận dụng được ý nghĩa của câu để tìm ra được từ hoặc cụm từ được gạch chân bị sai về nghĩa.(Các cặp  từ ít thông dụng bị nhầm về nghĩa) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Sentence transformation** | **Viết lại câu sử dụng từ cho trước,**  **sử dụng gợi ý hoặc điền không quá 3 từ,…** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **4** |
| **Thông hiểu:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **2** |
| - Modal verbs chủ động |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |
| - So sánh thông thường |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |
| **Vận dụng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **2** |
| - Modal verbs (bị động) |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |
| - So sánh kép |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |
| **3. Thematic writing** | Viết một bài khoảng 140 từ sử dụng các từ/ ý gợi ý cho sẵn về một trong các chủ đề trong sách giáo khoa.  Dưới đây là một số gợi ý:   * Viết một đoạn văn về một cuốn sách mà bạn đọc. * Viết đoạn văn về lợi ích của việc đọc sách. * Viết đoạn văn nói về lợi ích của |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1  (bài) |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | việc biết bơi.   * Viết đoạn văn giới thiệu môn thể thao mà bạn thích chơi. * Viết đoạn văn về nguyên nhân/ giải pháp/ hậu quả của tuyệt chủng   loài. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | | |  | 16 | 0 | 10 | 2 | 4 | 4 | 0 | 4 | 30 |  |

**Bảng đặc tả kĩ thuật đề kiểm tra cuối kỳ 2 – Môn: Tiếng Anh 12 (hệ 7 năm; tổng thời gian làm bài: 60 phút)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ Kỹ năng (Unit 10 – Unit 16)** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | |
| **Nhận biết** | | **Thông**  **hiểu** | | **Vận**  **dụng** | | **Vận dụng**  **cao** | |
| ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** |
| **1** | **Listening** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **8** |  |
|  |  | **1. Nghe một đoạn hội thoại khoảng 1-1.5 phút thuộc các chủ đề liên quan và trả lời câu hỏi True/false** | **Nhận biết**  1 chi tiết trong bài như:   * Thời gian * Số lượng người nói * Địa chỉ * Số điện thoại * Số tiền * Phương hướng | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu**  **-** Hiểu được các thông tin chi tiết cụ thể trong bài nghe để giúp lựa chọn được đáp án đúng (T) hoặc sai (F) |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng**  - Hiểu được ý chính của đoạn nghe, kết hợp một số thông tin trong để xác định được thông tin đúng sai |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
|  |  | **2*.* Nghe một đoạn độc thoại khoảng 1.5-2 phút và trả lời câu hỏi trắc nghiệm** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 4 |  |
| **Nhận biết**  1 chi tiết trong bài như:   * Thời gian * Số lượng người nói * Địa chỉ * Số điện thoại | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | * Số tiền * Phương hướng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Thông hiểu**  **-** Hiểu đươc thông tin chi tiết trong đoạn văn để xác định được phương án đúng để trả lời câu hỏi  - Hiểu được ý chính của người nói |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng**  - Hiểu được ý chính của đoạn thông tin, loại trừ các chi tiết sai để chọn đáp án đúng (Lưu ý với câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn các phương án nhiễu cần khác biệt rõ ràng với đáp  án về âm) |  |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  |
| **2** | **Language** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **8** |  |
|  |  | **1. Phonology**   * *Nhịp điệu của âm trong câu* * *Việc nối âm trong câu* * *Âm điệu đi xuống* * *Âm điệu đi lên* | **Nhận biết:** *(kiểm tra 2 nội dung*  *trong 3 nội dung dưới đây, khi kiểm tra yêu cầu cả 4 từ trong câu phải cùng từ loại với nhau)* |  |  |  |  |  |  |  |  | **2** |  |
| * Trọng âm của các từ có hai âm tiết * Trọng âm của các từ có ba âm tiết * Trọng âm của những từ có nhiều hơn 3 âm tiết | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Phân biệt nhịp điệu của âm trong câu, việc nối âm trong câu, âm điệu đi xuống và âm điệu đi lên trong câu (phần kiến thức được kiểm tra  lồng ghép trong bài nghe hoặc nói). |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | **Vận dụng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Phát âm rõ ràng, chính xác được nhịp điệu của âm trong câu, việc nối âm trong câu, âm điệu đi xuống và âm điệu đi lên trong câu trong các câu đơn lẻ(phần kiến thức được kiểm tra lồng ghép trong bài nghe  hoặc nói). |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Phát âm rõ ràng, chính xác được nhịp điệu của âm trong câu, việc nối âm trong câu, âm điệu đi xuống và âm điệu đi lên trong câu trong bài nói của mình (phần kiến thức được kiểm tra lồng ghép trong bài  nghe hoặc nói). |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Grammar**   * *So sánh kép* * *Cụm động từ kết hợp với giới từ* * *Mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian* * *Động từ khuyết thiếu* |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **2** |  |
| **Nhận biết** *(kiểm tra 2 trong 4 nội*  *dung dưới đây)* |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| * So sánh * So sánh kép * Động từ kết hợp với giới từ * Mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian * Động từ khuyết thiếu * Động từ khuyết thiếu trong câu bị động | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Hiểu được dúng những mảng ngữ  pháp đã học trong những văn cảnh |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | khác nhau (phần kiến thức được kiểm tra lồng ghép trong kỹ năng  nghe và đọc hiểu) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Viết/ nói câu sử dụng tự do những chủ điểm ngữ pháp đã học (phần kiến thức được kiểm tra lồng ghép  trong kỹ năng nói và viết) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Viết/ nói theo chủ đề sử dụng những chủ điểm ngữ pháp đã học(phần kiến thức được kiểm tra lồng ghép trong kỹ năng nói và  viết) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3. Vocabulary** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **4** |  |
| **Nhận biết:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Nhận biết được từ loại và ý nghĩa  của từ vựng liên quan đến chủ đề trong các ngữ cảnh khác nhau |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:** |  |  |  |  |  |  |  |  | **4** |  |
| - Từ nối dùng để liên kết các mệnh đề trong câu/ từ loại của một số từ quan trọng trong ngữ cảnh tương tự  ngữ cảnh trong sách giáo khoa |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| - Phrasal verbs hoặc các cụm giới từ (tính từ + giới từ, danh từ + giới từ, và các cụm giới từ cố định) được sử dụng trong văn cảnh tương tự văn  cảnh trong sách giáo khoa |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | - Hiểu cách sử dụng của một số cụm từ quan trọng được sử dụng trong văn cảnh tương tự văn cảnh  trong sách giáo khoa |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| - Hiểu đúng nghĩa của từ trong ngữ cảnh/ từ vựng theo chủ đề / hoặc các thành ngữ đơn giản được sử dụng trong văn cảnh tương tự văn  cảnh trong sách giáo khoa |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Vận dụng những cụm động từ đi cùng giới từ, kết hợp từ, từ vựng theo chủ đề và thành ngữ trong các câu khác nhau (phần kiến thức được đánh giá lồng ghép vào kỹ năng nói  hoặc viết) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Vận dụng những từ hoặc cụm từ đồng nghĩa hoăc trái nghĩa với một từ, phrasal verbs, idioms trong các câu khác nhau (phần kiến thức được đánh giá lồng ghép vào kỹ năng nói  hoặc viết) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Sử dụng được các cụm kết hợp từ, từ trong ngữ cảnh, từ vựng theo chủ đề, động từ kết hợp với giới từ và các thành ngữ với lớp nghĩa khác với lớp nghĩa trong sách giáo khoa (phần kiến thức được đánh giá lồng  ghép vào kỹ năng nói hoặc viết) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **3** | **Reading** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **8** |  |
|  |  | **1. Cloze test** | *Học sinh đọc một đoạn văn về một chủ đề liên quan đến chủ đề đã học trong sách giáo khoa từ Bài 5 đến bài 8 có độ dài khoảng 150 đến 180*  *từ. (Độ khó của từ ở cấp độ 3 (B1))* |  |  |  |  |  |  |  |  | **4** |  |
| **Nhận biết:** |  |  |  |  |  |  |  |  | **3** |  |
| - Định từ (determiners: many, a few, few, much, a little, little, other, another, this, that, these, those, …)  được sử dụng trong ngữ cảnh | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| - Đại từ quan hệ (who, whom, which, that, whose) trạng từ quan hệ hoặc các đại từ (what) hoặc từ nối (which) trong văn bản/ Từ nối dùng để kết nối văn bản | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Thông hiểu:** |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  |
| * Cụm từ (collocations) quen thuộc trong văn bản * Hiểu cách sử dụng của một số cụm từ quan trọng được sử dụng trong văn cảnh tương tự văn cảnh trong sách giáo khoa * Hiểu đúng nghĩa của từ trong ngữ cảnh/ từ vựng theo chủ đề / hoặc các thành ngữ đơn giản được sử dụng trong văn cảnh tương tự văn   cảnh trong sách giáo khoa |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | **Vận dụng:** |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  |
| * Vận dụng những kiến thức đã học vê từ vưng để xác định được phrasal verbs, collocations, meaning in context, themetic meanings và idioms trong văn cảnh khác với văn cảnh trong các đơn vị bài học trong sách giáo khoa * Nghĩa của từ trong ngữ cảnh phù   hợp để điền vào chỗ trống |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng cao:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **-** Sử dụng được các cụm kết hợp từ, từ trong ngữ cảnh, từ vựng theo chủ đề, động từ kết hợp với giới từ và các thành ngữ với lớp nghĩa khác  với lớp nghĩa trong sách giáo khoa |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Reading comprehension** | *Học sinh đọc một văn bản có độ dài khoảng 280 từ về những chủ đề đã học trong sách giáo khoa từ bài 5 đến bài 8. Độ khó của văn bản*  *thuộc cấp độ 3. (B1)* |  |  |  |  |  |  |  |  | **4** |  |
| **Nhận biết:** |  |  |  |  |  |  |  |  | **2** |  |
| - Nhận biết danh từ mà đại từ qui  chiếu ám chỉ | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| - Nhận biết thông tin chi tiết CÓ/  KHÔNG CÓ trong văn bản | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:** |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  |
| - Hiểu được nội dung văn bản để tìm ra được ý chính hoặc tiêu đề của văn bản |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | **Vận dụng:** |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  |
| * Vận dụng những ý hiểu của minh về văn bản để tìm ra thông điệp, tìm ra thông tin không được phát biểu trong văn cảnh * Vận dụng những hiểu biết của mình vê ý nghĩa đoạn văn để biết được cách sắp xếp các ý trong đoạn văn, nguồn gốc của văn bản, giọng văn trong văn bản   -Vận dụng những ý hiểu của mình về ngữ cảnh để chọn được từ đồng nghĩa với từ gạch chân trong văn bản |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
| **4** | **Writing** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **1. Error identification** | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết được từ và cụm từ được gạch chân cần phải sửa để tạo thành một câu hoàn chỉnh về ngữ nghĩa, ngữ pháp |  |  |  |  |  |  |  |  | **2** |  |
| * Sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ   -Trật tự từ trong câu   * Nghĩa của từ * Cấu trúc ngữ pháp * Thì của động từ * Từ loại * Cấu trúc song song | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | **Thông hiểu:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Hiểu được ý nghĩa của câu để tìm ra được từ hoặc cụm từ được gạch chân bị sai về nghĩa (Các cặp từ  thông dụng bị nhầm về nghĩa) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Vận dụng được ý nghĩa của câu để tìm ra được từ hoặc cụm từ được gạch chân bị sai về nghĩa.(Các cặp  từ ít thông dụng bị nhầm về nghĩa) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Sentence transformation** | **Viết lại câu sử dụng từ cho trước,**  **sử dụng gợi ý hoặc điền không quá 3 từ,…** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **2** |
| **Thông hiểu:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **2** |
| * So sánh * So sánh kép * Mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian * Động từ khuyết thiếu * Động từ khuyết thiếu trong câu bị động |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |
| **3. Thematic writing** | Viết một bài khoảng 140 từ sử dụng các từ/ ý gợi ý cho sẵn về một trong các chủ đề sau:   * Viết một đoạn văn nói về các biện pháp cần thực hiện để bảo vệ môi trường * Viết một đoạn văn nói về các nguyên nhân cơ bản dẫn đến ô nhiễm môi trường * Viết một đoạn văn giới thiệu về |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1  (bài) |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | một cuốn sách đã đọc gần đây.   * Viết một đoạn văn miêu tả về một trận đấu thể thao mà em đã xem hoặc tham dự gần đây * Viết một lá thư xin việc dựa theo thông tin gợi ý * Viết một đoạn văn giải thích lý do tại sao em muốn tham gia vào một tổ chức quốc tế nào đó. * Viết một báo cáo miêu tả thông tin thể hiện trong một biểu bảng. (Có kèm theo biểu bảng, số liệu) * Viết một lá thư giới thiệu về một thắng cảnh du lịch của Việt Nam cho một người bạn. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Speaking** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **1. Self-introduction**  Giới thiệu bản thân | Nhận biết và hiểu cách trả lời thông  tin cơ bản như tên, tuổi, lớp, sở thích cá nhân… |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1  bài\*  \* |
|  |  | **2. Theme speaking**  Nói theo các chủ đề đã học | Trình bày 1 bài nói cá nhân (đã có thời gian chuẩn bị trước khi nói) về một trong số những chủ đề sau   * Báo cáo về một loài động vật có nguy cơ bị tuyệt chủng (có thông tin số liệu kèm theo) * Nói về một cuốn sách mà bạn đọc gần đây * Nói về môn thể thao mà bạn yêu thích * Báo cáo về kết quả của một cuộc |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1  bài\*  \*\* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | thi thể thao (có số liệu kèm theo)   * Nói về một số thông tin cơ bản của một tổ chức quốc tế (có thông tin kèm theo) * Nói về một số thông tin cơ bản về một thành viên của ASEAN (có thông tin kèm theo) * Bày tỏ quan điểm về một số vấn   đề liên quan đến bình đẳng giới (có gợi ý kèm theo) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | | |  | 16 | 0 | 10 | 2 | 4 | 4 | 0 | 4 | 30 |  |